TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ THÍ MINH**	**TỘNG HÒA XÃ HỘI THỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày: 23/5/2025
V/v *"Tranh chấp về góp vốn kinh doanh"*

NHÂN DANH
NƯỚT TỘNG HÒA XÃ HỘI THỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ THÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Thủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Tác Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Thí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Thí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 643/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Tranh chấp về góp vốn kinh doanh"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐST-DS ngày 03/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2025/QĐST-DS ngày 28/04/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 175/13 T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Thí Minh (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Khánh T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 39D Trần Quang T, Phường B (nay là Phường H), Quận 3, Thành phố Hồ Thí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Tháng 5 năm 2022, bà Bùi Thị Khánh T (sau đây gọi tắt là bà T) có đăng ký giấy phép kinh doanh tên Bùi Thị Khánh T tại địa chỉ 38 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Thí Minh.

Ngày 16/7/2022, bà T đồng ý góp 50% vốn góp tương đương 300.000.000 đồng vào quán chay A Di Đà Phật, với tỷ lệ chia lợi nhuận là 70% - 30% (bà T 70% và bà T 30%).

Sau hai tháng kinh doanh có lợi nhuận, nhận thấy tình hình bà T có ý định không muốn cùng hợp tác kinh doanh nữa, việc tiếp tục hợp tác kinh doanh là không còn cần thiết vì hai bên đã không còn tin tưởng nhau. Vì vậy, ngày 20/9/2022, bà T đề nghị được rút vốn ra khỏi quán chay A Di Đà Phật và không liên quan đến việc kinh doanh hoặc hưởng lợi nhuận từ quán chay nữa nhưng bà T không đồng ý ký tên vào biên bản thỏa thuận.

Ngày 01/11/2022 có khách hàng muốn sang nhượng lại quán chay A Di Đà Phật với giá là 500.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Thời điểm đó quán chay A Di Đà Phật vẫn kinh doanh và có lợi nhuận, nhưng bà T không thông tin quán hoạt động như thế nào, kinh doanh như thế nào cho bà T. Ngày 19/9/2023, bà T trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 28/12/2023, tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, bà T xác nhận quán chay A Di Đà Phật không còn hoạt động và đã thanh lý quán cho người khác với giá 35.000.000 đồng.

Nhận thấy, bà T đã vi phạm thỏa thuận hợp tác giữa hai bên, bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên chấm dứt thỏa thuận góp vốn ngày 16/7/2022; Buộc bà T trả lại số tiền góp vốn cho bà T là 290.000.000 đồng. Trả một lần ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn Bùi Thị Khánh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tăn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T.

NHẬN ĐỊNH TỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T khởi kiện, yêu cầu bà Bùi Thị Khánh T trả lại số tiền góp vốn theo thỏa thuận góp vốn kinh doanh nên đây là vụ án Tranh chấp về góp vốn kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Do bị đơn bà T cư trú tại 39D Trần Quang T, Phường 13 (nay là Phường 12) Quận 3, Thành phố Hồ Thí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng:*

[6] Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Tăn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[8] Do Thỏa thuận góp vốn kinh doanh được kí vào ngày 16/7/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[9] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

[10] Tăn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà T và bà T thỏa thuận ký kết Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 với số tiền bà Hương góp vốn là 300.000.000 đồng, tương đương 50% vốn góp.

[11] Xét thấy, Thỏa thuận góp vốn kinh doanh nêu trên phù hợp quy định tại Điều 504, 505 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực. Vì vậy, Hợp đồng nêu trên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết và là căn cứ để Tòa án giải quyết tranh chấp.

[10] *Về yêu cầu chấm dứt Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 giữa bà Nguyễn Thị Hương T và bà Bùi Thị Khánh T*:

[11] Tại Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 giữa bà T và bà T có nêu rõ mục đích góp vốn là mở quán chay A Di Đà Phật tại địa chỉ 38 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Thí Minh.

[12] Tại Phiếu xác minh số 178 ngày 17/02/2025 cho thấy quán chay A Di Đà Phật tại địa chỉ 38 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố

Hồ Thí Minh hiện không kinh doanh, treo biển. Ngoài ra, tại biên bản lập ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Thí Minh bà T xác nhận quán chay A Di Đà Phật không còn hoạt động và đã thanh lý quán cho người khác với giá 35.000.000 đồng.

[13] Tại khoản 5 Điều 422 Bộ luật Dân sự quy định:

"Điều 422. Thấm dứt hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

……..

5. Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn;"

[14] Tại điểm b Khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự quy định

"*Điều 512. Thấm dứt hợp đồng hợp tác*

1. Hợp đồng hợp tác chấm dứt trong trường hợp sau đây:

……

đ) Trường hợp khác theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan.;"

[12] Xét, căn cứ từ tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được thì đối tượng của Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 là hoạt động quán chay A Di Đà Phật đã không còn nên yêu cầu của nguyên đơn bà T về việc chấm dứt Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 422 và điểm đ Khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] *Về yêu cầu hoàn trả tiền vốn 290.000.000 đồng*:

[14] Xét, Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022, hai bên có thỏa thuận về mục đích, thời hạn hợp tác; tài sản đóng góp; phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức; quyền và trách nhiệm của mỗi bên nhưng không thỏa thuận về quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên khi chấm dứt hợp đồng hợp tác. Do đó, để có cơ sở giải quyết yêu cầu của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử cần phải xét đến quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên khi hợp đồng hợp tác chấm dứt.

[15] Như đã phân tích trên, hợp đồng hợp tác chấm dứt nên các thành viên hợp tác sẽ được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 512 Bộ luật Dân sự.

"Điều 512. Thấm dứt hợp đồng hợp tác

2. ……..

Trường hợp các khoản nợ đã được thanh toán xong mà tài sản chung vẫn còn thì được chia cho các thành viên hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

[16] Xét thấy, ngoài lời trình bày của bà T tại biên bản lập ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1 thì không có tài liệu chứng cứ nào cho rằng tài sản chung còn lại là 35.000.000 đồng. Do đó, khi chấm dứt hợp đồng hợp tác, tài sản chung được chia cho các thành viên hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người.

[17] Như vậy, căn cứ Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở xác định bà T góp 50% vốn góp tương đương 300.000.000 đồng, bà T đã trả cho bà T 10.000.000 đồng nên số tiền góp vốn của bà T còn lại là 290.000.000 đồng.

[18] Từ những căn cứ và phân tích trên, yêu cầu của bà T về việc buộc bà T trả lại số tiền vốn góp 290.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định Khoản 2 Điều Điều 512 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] *Về thời hạn thanh toán:*

[20] Nguyên đơn bà T yêu cầu bà T trả số tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[21] Xét, Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 chấm dứt nên bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà T ngay khi bản án có hiệu lực là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22] Về án phí sơ thẩm: Bà T chịu 14.500.000 đồng. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 7.250.000 đồng theo biên lai thu số 0045201 ngày 18/01/2024 của Thi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Thí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tăn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tăn cứ Điều 422, 504, 506, 509 và Điều 512 Bộ luật Dân sự;

Tăn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tăn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Thấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T:

1.1. Thấm dứt Thỏa thuận góp vốn kinh doanh ngày 16/7/2022 giữa bà Nguyễn Thị Hương T và bà Bùi Thị Khánh T.

1.2. Buộc bà Bùi Thị Khánh T hoàn trả tiền vốn góp 290.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hương T.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hương T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Bùi Thị Khánh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Khánh T chịu án phí sơ thẩm là 14.500.000 đồng.

- Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Hương T số tiền 7.250.000 đồng theo biên lai thu số 0045201 ngày 18/01/2024 của Thi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Thí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hương T và bà Bùi Thị Khánh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Thí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Thi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- Tác đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - THỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Anh